

Đà Lạt, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 17/6/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ngân hàng Thương mại C.

Trụ sở: Tháp B, số 194 T , phường L , quận H , thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phan Đức T – Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật.

- Ông Phạm Xuân H: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Đ ; trụ sở tại: 28 K , Phường n, thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng. (*Văn bản ủy quyền số 9 ngày 25/10/2021*).

- Bà Mai Hồng H – Trưởng phòng Khách hàng, Ngân hàng T - Chi nhánh Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Văn bản ủy quyền 4 , ngày 25/5/2022*).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị T , sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1964; cư trú tại: 143/3 T , xã X , thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Trần Anh Đ , sinh năm 1999; cư trú tại: 3b đường B , Phường m, thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2022).

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ ; trụ sở: 181 đường B , thành phố Đ , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Xuân T – chức danh Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn N bà Trương Thị T , đồng ý trả nợ cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 09/8/2022 là 411.574.279đ (Bốn trăm mười một triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng); trong đó nợ gốc 383.100.000đ; nợ lãi trong hạn: 20.632.516 đ; nợ lãi chậm trả: 7.841.763đ.

Kể từ ngày 10/8/2022 ông N bà T , phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/7943324/HĐTD ngày 26/6/2020 tại thời điểm thanh toán đối với số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Tài sản đảm bảo trả nợ theo Hợp đồng thế chấp 01/2019/7943324/HĐBĐ ngày 25/7/2019 tại Văn phòng Công chứng T và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ , ngày 26/7/2019, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201131053 ngày 23/12/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ , cấp cho ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị T , diện tích đất: 154,41 m² ; thửa đất số 551; tờ bản đồ 29/2; tại địa chỉ: 143/3 T , xã X , thành phố Đ ; tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sử dụng 74,49 m²; diện tích xây dựng 99,33 m²; kết cấu nhà tường ván; nền xi măng; mái tole; số tầng 01 trệt.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N bà Trương Thị T phải chịu 10.231.486đ (mười triệu hai trăm ba mươi một ngàn bốn trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả cho Ngân hàng T số tiền 10.057.000đ, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001916 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Ngọc Lâm